

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÔNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2024/HS-ST
Ngày 18/11/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Việt Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Hòe; Ông Nguyễn Thường

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Niêm - Kiểm sát viên.

Vào ngày 18 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 38/2024/HSST ngày 25 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lê Quang T (tên gọi khác: R); Sinh ngày 04/10/1990 tại: tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Thôn 5, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Tiền sự; Tiền án: Không. Con ông Lê N sinh năm 1938 (đã chết) và con bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1950. Bị cáo có vợ là Võ Thị Thanh M, sinh năm 1991. Bị cáo có 02 người con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2021.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/8/2024 đến ngày 05/8/2024 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Lê D (tên gọi khác: L); Sinh ngày: 07/12/1990 tại: tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Thôn 6, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: Làm nông. Trình độ học vấn: 6/12 Dân tộc: Kinh Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Con ông: Lê P (đã chết) và con bà Đồng Thị Mỹ L sinh năm 1966. Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Mỹ K, sinh năm 1992. Bị cáo có 02 người con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2021.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Có 01 tiền án, ngày 01/6/2012, bị cáo Lê D bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 05 tháng 16 ngày tù, theo Bản án phúc thẩm số 177/HSPT về tội Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có. Bị cáo chưa chấp hành xong khoản án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng theo Bản án số 16/HSST ngày 29/3/2012 của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông; chưa được xóa án tích.

Nhân thân:

Ngày 28/4/2021, bị Công an huyện Krông Bông ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 15/QĐ-XPVPHC về hành vi xâm hại đến sức khỏe của người khác. Ngày 21/5/2021, bị cáo đã chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Ngày 25/4/2022, bị Công an huyện Krông Bông ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 13/QĐ-XPVPHC về hành vi Đánh bạc. Ngày 11/5/2022, bị cáo đã chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo Lê D bị tạm giữ từ ngày 01/8/2024 đến ngày 05/8/2024 thì bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Ngày 25/9/2024, Lê D có hành vi cố ý gây thương tích, ngày 15/10/2024, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Bông khởi tố bị cáo và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt bị cáo để tạm giam về tội cố ý gây thương tích. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Krông Bông. Có mặt tại phiên tòa

3. Họ và tên: Nguyễn Tư C (tên gọi khác: T). Sinh ngày: 02/02/1991 tại: tỉnh Quảng Ngãi. Nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Nghề nghiệp: Tự do. Trình độ học vấn: 12/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không. Con ông Nguyễn L (đã chết) và con bà Đặng Thị H, sinh năm 1964. Bị cáo có vợ là Phạm Thị Hồng H, sinh năm 1994. Bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2022, nhỏ nhất sinh năm 2024. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/8/2024 đến ngày 05/8/2024 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Nguyễn Văn A. Sinh ngày: 01/7/1984 tại: tỉnh Đắk Lắk. Nơi cư trú: Thôn 3, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: Làm nông. Trình độ học vấn: 0/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không. Con ông Nguyễn Văn T (không rõ năm sinh, nơi ở) và con bà Lê Thị Mỹ H, sinh năm 1952. Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1985. Bị cáo có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/8/2024 đến ngày 05/8/2024 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: Trần Văn T. Sinh ngày: 25/5/1989 tại: tỉnh Đắk Lắk. Nơi cư trú: Thôn 01, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: Làm nông. Trình độ học vấn: 6/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không. Con ông Trần Văn N, sinh năm 1964 và con bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1965. Bị cáo có vợ là Y H, sinh năm 1997. Bị cáo có 01 người con sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/8/2024 đến ngày 05/8/2024 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1952 (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 5, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 00 phút, ngày 01/8/2024, Lê D, Nguyễn Văn A, Trần Văn T, Nguyễn Tư C đến quán nước ở thôn 5, xã H, huyện K để uống nước. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, Lê Quang T ghé vào quán uống nước. Lúc này, T rủ cả nhóm đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức bài Liêng thì tất cả đều đồng ý. Sau đó, cả nhóm đi qua phòng ngủ khu vực quán bida (không còn sử dụng) của bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1950 (mẹ đẻ của T - gần quán nước nói trên), tại đây, T lấy mền có sẵn để trải ra, rồi lấy 02 bộ bài tây đã qua sử dụng để mọi người cùng tham gia đánh bạc. Cả nhóm thỏa thuận đánh bài liêng, mỗi tụ 3 cây, mức cược ra nước (tiền cạ) là 50.000 đồng, sau khi đóng tiền cược thì được xem bài và được quyền tố hoặc bỏ bài; tiền tố tối đa không quá 300.000 đồng. Khi tham gia đánh

bạc, Lê Quang T mang theo 1.450.000 đồng, Nguyễn Tư C mang theo số tiền 2.650.000 đồng, Lê D không mang theo tiền nên mượn Nguyễn Văn A 1.000.000 đồng; Nguyễn Văn A mang theo 3.000.000 đồng, sử dụng 2.000.000 đồng để đánh bạc (đã cho Lê D mượn 1.000.000 đồng); Trần Văn T mang theo số tiền 1.000.000 đồng, tất cả sử dụng số tiền mang theo để đánh bạc. Các bị cáo đánh bạc đến 14 giờ 50 phút cùng ngày thì bị lực lượng Công an huyện Krông Bông bắt quả tang, riêng Nguyễn Tư C bỏ chạy khỏi hiện trường. Thu giữ trên chiếu bạc số tiền 8.100.000 đồng, 02 bộ bài Tây đã qua sử dụng, 01 tấm vải mền. Đến ngày 02/8/2024, Nguyễn Tư C đến Công an huyện Krông Bông để đầu thú.

Cách tính được thua dựa vào điểm và hình thức của bài, cách tính điểm như sau: Các con bài “2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, thì có số điểm tương ứng của con bài đó, các con bài “10, J, Q, K” trong bộ bài được tính là 0 điểm hay còn gọi là bù, con bài A (Còn gọi là xì hoặc át) được tính là 1 điểm. Điểm bài là tổng ba con bài cộng lại, lấy số lẻ làm hàng đơn vị để tính điểm, (Ví dụ: Bài có K, 8, 7 cộng lại được tính là 5 điểm). Về hình thức bài có các trường hợp sau: Nếu ván bài người nào có 03 con bài giống nhau, khác chất thì gọi là (Sáp), “ví dụ 3 con 10”; bài có 03 con bài liên tiếp nhau có thể cùng chất hoặc không cùng chất tạo thành sảnh gọi là “liêng”; bài có 03 con hình người là các con bài J, Q, K gọi là ba tiên hoặc Liêng có hình. Đối chiếu để tính được thua như sau: Lớn nhất là bài (Sáp), rồi đến bài liêng, đến bài ba tiên, đến bài 09 điểm đôi và nhỏ dần đến 0 điểm, nếu bài cùng sáp thì sáp lớn ăn sáp nhỏ, cùng liêng thì liêng lớn ăn liêng nhỏ liêng (ví dụ liêng Q, K, A, lớn nhất) rồi so sánh đến chất, cơ, rô, chuồn, bích chất cơ lớn nhất, nhỏ nhất là chất bích, cùng 03 tiên cùng điểm thì có đôi lớn hơn, rồi tính đến con bài cao nhất, nếu cùng ba tiên và cùng điểm không có đôi thì tính con bài cao nhất và chất. Trong ván bài, nếu người nào thắng ở ván bài trước thì có quyền chia bài ở ván bài tiếp theo.

Tang vật thu giữ: Số tiền 8.100.000 đồng tại chiếu bạc; 02 (hai) bộ tài Tây; 01 (một) tấm vải mền.

Tại bản cáo trạng số: 37/CT-VKS ngày 22/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk truy tố các bị cáo Lê Quang T, Lê D, Nguyễn Tư C, Trần Văn T và Nguyễn Văn A về tội: “Đánh bạc” tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử.

*** Về hình phạt:**

* Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lê Quang T 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Tư C 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn T 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

* Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê D 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Bị cáo được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 01/8/2024 đến ngày 05/8/2024.

* **Về hình phạt bổ sung:** Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 “ Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Tuy nhiên, các bị cáo không có thu nhập ổn định, bị cáo Lê Quang T, Nguyễn Văn A, Trần Văn T có hoàn cảnh kinh tế khó khăn được chính quyền UBND xã xác nhận nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

*** Xử lý vật chứng:**

- Đề nghị tịch thu tiêu huỷ: - 02 (hai) bộ tài Tây; 01 (một) tấm vải mền do không còn giá trị sử dụng;

- Đề nghị tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: số tiền 8.100.000 đồng các bị cáo dùng vào việc Đánh bạc.

Tại phiên tòa các bị cáo không tranh luận.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Bông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Căn cứ xác định các hành vi của các bị cáo: Do ý thức xem thường pháp luật, vì tư lợi cá nhân, muốn nhanh chóng có tiền bằng hình thức bất hợp pháp nên vào khoảng 12 giờ ngày 01/8/2024, tại phòng ngủ quán bida (không còn sử dụng) của bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1950 ở thôn 5, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, các bị cáo Lê Quang T, Lê D, Nguyễn Tư C, Trần Văn T và Nguyễn Văn A đã cùng nhau đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức đánh bài “Liêng”. Các bị cáo đánh bạc đến 14 giờ 50 phút cùng ngày thì bị Công an huyện Krông Bông bắt quả tang. Thu giữ trên chiếu bạc số tiền 8.100.000 đồng (*Tám triệu một trăm nghìn đồng*), cùng toàn bộ công cụ phục vụ việc đánh bạc.

Các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, lời khai của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra. Do vậy, hành vi của các bị cáo Lê Quang T, Lê D, Nguyễn Tư C, Trần Văn T và Nguyễn Văn A đã phạm tội: Đánh bạc, quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS, như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Điều 321. Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị

phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3]. Tính chất mức độ của hành vi: Nhà nước ta cũng đã tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng về tác hại của việc đánh bạc. Các bị cáo biết rõ hành vi đánh bạc do các bị cáo thực hiện đã xâm phạm đến trật tự công cộng, an toàn xã hội tại địa phương đồng thời gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Về ý thức chủ quan, các bị cáo nhận thức rõ hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh bài “Liêng” được thua bằng tiền là vi phạm pháp luật, nhưng vì ham lợi, muốn có tiền nhanh chóng nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Xét thấy các bị cáo có đủ năng lực hành vi và năng lực pháp luật để nhận thức được việc làm của mình nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo nhằm mục đích cải tạo, giáo dục riêng đối với các bị cáo đồng thời răn đe, phòng ngừa chung về loại tội phạm này, cần xem xét đến vai trò của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo.

[4]. Vụ án này có tính chất đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, không có tổ chức, các bị cáo có vai trò ngang nhau, bị cáo Lê Quang T khởi xướng, rủ rê các bị cáo cùng nhau tham gia đánh bạc “chơi bài Liêng” và cũng là người tham gia chơi bài.

[5]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê D đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt về tội Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có nhưng chưa được xóa án tích. Ngày 01/8/2024 bị cáo lại tiếp tục phạm tội Đánh bạc. Bị cáo Lê D phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm, quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo Lê Quang T, Nguyễn Tư C, Nguyễn Văn A và Trần Văn T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo Nguyễn Tư C sau khi phạm tội đã ra đầu thú; bị cáo Lê Quang T từng tham gia phục vụ trong quân ngũ; các bị cáo T, A, T gia đình có hoàn cảnh khó khăn, được Ủy ban nhân dân xã H và xã K xác nhận. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4]. Về nhân thân của các bị cáo.

Đối với bị cáo Lê D có nhân thân xấu, ngày 28/4/2021, bị Công an huyện Krông Bông ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại đến sức khỏe của người khác. Ngày 25/4/2022, bị Công an huyện Krông Bông ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc. Bị cáo đã chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

[5]. Về hình phạt:

* Về hình phạt chính: Xét các bị cáo Lê Quang T, Nguyễn Tư C, Nguyễn Văn A và Trần Văn T phạm tội ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong thời gian tại ngoại các bị cáo chấp hành tốt chính sách pháp luật tại địa phương, Hội đồng xét xử cần xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với các bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta. Do vậy, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt cho hưởng án treo cũng đủ để răn đe và giáo dục đối với các bị cáo, đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm tại địa phương.

Đối với bị cáo Lê D, bị cáo đã từng bị xử phạt tù về tội Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có, bị xử phạt về hành vi xâm hại đến sức khỏe của người khác và hành vi Đánh bạc, bị cáo đã được giáo dục về pháp luật nhưng vẫn không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục phạm tội, thể hiện ý thức coi thường pháp luật, bị cáo không có khả năng tự cải tạo nên cần có hình phạt thật nghiêm khắc, cần cách ly các bị cáo ra khỏi cộng đồng một thời gian nhất định mới đủ sức răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

* Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 “ Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Tuy nhiên, các bị cáo không có việc làm ổn định, bị cáo Lê Quang T, Nguyễn Văn A, Trần Văn T đều được chính quyền địa phương xác nhận đang thực tế gặp khó khăn về kinh tế và có bị cáo đang nuôi con nhỏ nên không áp dụng hình phạt bổ sung khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

[7]. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Cần tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) bộ tài; 01 (một) tấm vải mền (đã qua sử dụng) do không còn giá trị sử dụng;

- Cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: số tiền 8.100.000 đồng mà các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi Đánh bạc.

[8]. Các tình tiết khác: Đối với bà Nguyễn Thị M, khi các bị cáo đánh bạc tại quán bi da của bà M thì bà M không biết, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện không xử lý bà M cũng như địa điểm đánh bạc là phù hợp.

[9]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp, đúng quy định pháp luật nên cần được chấp nhận.

[8] Về án phí: Các bị cáo Lê Quang T, Lê D, Nguyễn Tư C, Trần Văn T và Nguyễn Văn A mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 321 Bộ luật hình sự; Điều 260 và Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố các bị cáo Lê Quang T, Lê D, Nguyễn Tư C, Trần Văn T và Nguyễn Văn A phạm tội: “*Đánh bạc*”.

* Áp dụng Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo;

* Áp dụng khoản 1 Điều 321 BLHS; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

1.1. Xử phạt bị cáo Lê Quang T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Lê Quang T, Nguyễn Văn A cho Ủy ban nhân dân xã H g, huyện K, tỉnh Đắk Lắk là nơi các bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

1.3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tư C 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Tư C cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi là nơi các bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử

thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

1.4. Xử phạt bị cáo Trần Văn T 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Văn T cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk là nơi bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án.

Trong thời gian thử thách nếu các bị cáo bị xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

1.5. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Bị cáo được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/8/2024 đến ngày 05/8/2024

* **Về hình phạt bổ sung:** Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) bộ tài; 01 (một) tấm vải mền (đã qua sử dụng) do không còn giá trị sử dụng;

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: số tiền 8.100.000 đồng là số tiền 05 bị cáo sử dụng để đánh bạc;

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ Điều 12, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo

Lê Quang T, Lê D, Nguyễn Tư C, Trần Văn T và Nguyễn Văn A, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng chẵn*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 LTHADS thì người phải thi hành án có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được quy định tại các Điều 6, 7 và 9 LTHADS. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 LTHADS.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Vụ GD kiểm tra I – TAND Tối cao;
- Sở Tư pháp Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Bông (02 bản);
- Phòng PV 06 CA tỉnh Đắk Lắk;
- Đội Điều tra tổng hợp CA H Krông Bông;
- Cơ quan THA hình sự H Krông Bông;
- Chi cục THA Dân sự;
- UBND xã K;
- UBND xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi
- UBND xã H;
- Bị cáo; Đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Việt Hưng